TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 686/2026/DS-ST
Ngày: 16/4/2026
V/v : Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Duy Minh Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thái Thục Hiền

2. Bà Dương Triều Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Hồng Đào – Thư ký của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dịu Thùy – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 3 và ngày 16 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 229/2026/TLST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh, về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 638/2026/QĐXXST-DS ngày 03/3/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 1112/2026/QĐST-DS ngày 30/3/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty T (Việt Nam)

Địa chỉ: Số I đường P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Phạm Thành N; Sinh năm 2000;

Địa chỉ: P, Tầng D, Tòa nhà số G đường T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; (Theo văn bản ủy quyền ngày 17/4/2025)

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị Phương H; Sinh năm 1973;

CCCD số: 075173010055; Cấp ngày: 22/7/2021; Nơi cấp: Cục trưởng Cục Cảnh sát QLHC về TTXH;

Nơi cư trú: D, Ấp C, xã V, Thành phố Hồ Chí Minh; (D3/1V, Tổ F, Ấp D,

xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cũ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, nguyên đơn thông qua đại diện hợp pháp trình bày:

Ngày 29/03/2024, Công ty T (VIỆT NAM) (sau đây gọi tắt là Công ty T) ký Hợp đồng tín dụng số: 5408990 (gọi tắt là HĐTD) về việc cấp tín dụng cho bà Trần Thị Phương H với khoản vay trị giá 42.003.000 đồng được giải ngân ngày 01/04/2024 với mức lãi suất 58%/năm. Sau khi hợp đồng được ký kết, Công ty T đã giải ngân theo đúng quy định trong HĐTD cho bà H, số tiền giải ngân được Công ty T chuyển vào tài khoản cá nhân của bà H. Theo HĐTD, bà H có trách nhiệm, nghĩa vụ thanh toán là trả góp hàng tháng trong kỳ hạn 36 tháng, kể từ ngày 25/04/2024 đến ngày 25/03/2027 cho Công ty.

Kể từ ngày được giải ngân đến nay bà H chỉ mới thanh toán trả góp cho Công ty T được 6 kỳ với tổng số tiền đã thanh toán 15.029.523 đồng. Trong đó:

Tổng gốc và lãi đã trả (1) =(2)+(3) (VNĐ): 14.953.060

Tổng gốc đã trả (2) (VNĐ): 3.612.778

Tổng lãi đã trả (3) (VNĐ): 11.368.745 (bao gồm 28.463VNĐ tiền lãi chậm trả)

Tổng phí đã trả (4) (VNĐ): 48.000

Tổng gốc, lãi và phí đã trả (5) = (1) + (4) (VNĐ): 15.029.523

Ngày 27/12/2024 đến nay bà H không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả góp theo HĐTD đã ký kết với Công ty T.

Công ty T đã liên hệ nhắc nợ qua điện thoại rất nhiều lần để yêu cầu bà thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo HĐTD. Đồng thời, Công ty T cũng đã gửi thư đề nghị thanh toán để thông báo trực tiếp cho bà H biết về việc đã quá hạn thanh toán. Tuy nhiên, bà H vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo HĐTD cho phía Công ty T.

Do đã gởi thông báo nhắc nợ nhưng bà H vẫn cố tình không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo HĐTD cho phía Công ty T. Nên Công ty T đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa Án giải quyết tuyên buộc bà Trần Thị Phương H thanh toán cho Công ty T tổng cộng số tiền tạm tính đến ngày 16/04/2026 là: 77.934.615 đồng. Trong đó:

- Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 38.390.222 đồng.

- Số tiền lãi trong hạn: 27.214.276 đồng.

- Số tiền lãi quá hạn: 10.062.386 đồng.

- Số tiền lãi chậm trả: 2.267.731 đồng.

Diễn giải công thức tính lãi như sau:

1/ Lãi trong hạn: = *Tổng số tiền lãi chưa trả mỗi kỳ (tính đến thời điểm tính lãi)*

2/ Lãi quá hạn: (Quy định tại khoản 8.3 Điều 8 của HĐTD)

a) Số tiền lãi quá hạn từng kỳ: = *150% x Lãi suất% x Số tiền gốc chưa trả mỗi kỳ x Số ngày quá hạn : 365 ngày*

b) Số tiền lãi quá hạn: = *Tổng số tiền lãi quá hạn từng kỳ (tính đến thời điểm tính lãi)*

3/ Lãi chậm trả: (Quy định tại khoản 8.3 Điều 8 của HĐTD)

a) Số tiền lãi chậm trả từng kỳ: = *10% x Số tiền lãi chưa trả mỗi kỳ x Số ngày quá hạn : 365 ngày*

b) Số tiền lãi chậm trả: = *Tổng số tiền lãi chậm trả từng kỳ (tính đến thời điểm tính lãi)*

Cách tính lãi trên được căn cứ tại Khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 về Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, và Khoản 4 Điều 13, Khoản 5 Điều 14 Thông tư 39/2016/TT-NHNN về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Ngoài ra Công ty T còn yêu cầu Tòa án buộc bà H phải thanh toán lãi phát sinh kể từ ngày 17/4/2026 cho đến khi thi hành xong bản án có hiệu lực pháp luật.

Công ty T xác định chỉ cho cá nhân bà H vay vốn, không liên quan đến người khác nên Công ty T chỉ yêu cầu cá nhân bà H có nghĩa vụ thanh toán nợ, không yêu cầu người khác liên đới chịu trách nhiệm và cũng không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng trong vụ án này.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng phía bị đơn cũng không có bất kỳ văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không thể thu thập được ý kiến của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng:

- Về tố tụng:

1. Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục thụ lý; việc thu thập, đánh giá chứng cứ; việc triệu tập đương sự tham gia tố tụng.

Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự tiến hành phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo thời hạn tố tụng theo quy định.

Về thời hạn giải quyết vụ án: Đảm bảo theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2. Đối với các đương sự:

Nguyên đơn, đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Trần Thị Phương H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng, không gửi ý kiến bằng văn bản, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhận thấy:

Ngày 29/3/2024, Công ty T và bà Trần Thị Phương H ký Hợp đồng tín dụng số 5408990. Hợp đồng được giao kết hợp pháp, có hiệu lực thi hành.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Trần Thị Phương H đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, dẫn đến phát sinh nợ quá hạn. Tính đến ngày 16/04/2026 là: 77.934.615 đồng, gồm nợ gốc và các khoản lãi theo hợp đồng.

Viện kiểm sát xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (Sửa đổi bổ sung năm 2017) và Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, nên cần được chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T.

- Buộc bà Trần Thị Phương H thanh toán cho nguyên đơn số tiền tính đến ngày 16/4/2026 là: 77.934.615 đồng gồm nợ gốc và các khoản lãi theo hợp đồng. Đồng thời bà H tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi thanh toán xong.

- Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Công ty T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Trần Thị Phương H thanh toán toàn bộ số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 5408990 đã ký kết ngày 29/3/2024. Như vậy, tranh chấp phát sinh trong vụ án là tranh chấp về quyền và nghĩa vụ thanh toán phát sinh từ hợp đồng tín dụng được ký kết giữa tổ chức tín dụng và cá nhân vay vốn. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Tố tụng dân sự năm 2015.

Do bị đơn – bà Trần Thị Phương H theo kết quả xác minh của Công an xã V, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện có đăng ký thường trú và thực tế cư trú tại D, Ấp C, xã V, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không lý do; phiên hòa giải không tiến hành được. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn tiếp tục vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn thông qua đại diện hợp pháp có đơn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về yêu cầu của đương sự: Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngày 29/3/2024, Công ty T và bà Trần Thị Phương H ký Hợp đồng tín dụng số 5408990, theo đó Công ty cấp tín dụng cho bà Trần Thị Phương H với khoản vay trị giá 42.003.000 đồng được giải ngân ngày 01/04/2024 với mức lãi suất 58%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi chậm trả đối với khoản lãi chưa thanh toán được xác định theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng.

Kể từ ngày được giải ngân đến nay bà Trần Thị Phương H chỉ mới thanh toán trả góp cho Công ty T được 06 kỳ với tổng số tiền đã thanh toán 15.029.523 đồng. Trong đó:

Tổng gốc và lãi đã trả (1) =(2)+(3) (VNĐ): 14.953.060

Tổng gốc đã trả (2) (VNĐ): 3.612.778

Tổng lãi đã trả (3) (VNĐ): 11.368.745 (bao gồm 28.463VNĐ tiền lãi chậm trả)

Tổng phí đã trả (4) (VNĐ): 48.000

Tổng gốc, lãi và phí đã trả (5) = (1) + (4) (VNĐ): 15.029.523

Ngày 27/12/2024 đến nay bà Trần Thị Phương H không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả góp theo HĐTD đã ký kết với Công ty T mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần nhắc nhở.

Hội đồng xét xử xét thấy Hợp đồng tín dụng được giao kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung phù hợp quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Bộ luật Dân sự, nên có hiệu lực pháp luật và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên. Việc bị đơn không thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản nợ đã cam kết là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tính đến ngày 16/04/2026, số tiền nợ của bà Trần Thị Phương H đối với Công ty T được xác định là: 77.934.615 đồng. Trong đó:

- Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 38.390.222 đồng.
- Số tiền lãi trong hạn: 27.214.276 đồng.
- Số tiền lãi quá hạn: 10.062.386 đồng.
- Số tiền lãi chậm trả: 2.267.731 đồng.

Các khoản lãi này được tính toán phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, khoản 4 Điều 13 và khoản 5 Điều 14 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN của Ngân hàng N1.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, cần được chấp nhận toàn bộ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đã nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập cho bị đơn để bị đơn tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn bà Trần Thị Phương H đều vắng mặt không có lý do chính đáng, không tham gia phiên họp, không thực hiện việc hòa giải theo quy định pháp luật.

Mặc dù Tòa án đã tạo điều kiện để bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để phản đối yêu cầu khởi kiện, không đưa ra yêu cầu phản tố, không đề nghị thu thập chứng cứ nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Hành vi nêu trên của bị đơn được xác định là không thực hiện nghĩa vụ tham gia tố tụng, vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; đồng thời được xem là từ bỏ quyền trình bày ý kiến, quyền chứng minh và quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc bị đơn không tham gia tố tụng, không cung cấp chứng cứ là tự tước bỏ quyền chứng minh của mình; Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thu thập hợp pháp và do nguyên đơn cung cấp, làm căn cứ để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[3] Về lãi phát sinh sau thời điểm xét xử

Hội đồng xét xử xét thấy, tại Hợp đồng tín dụng số 5408990 ký ngày 29/3/2024, các bên đã thỏa thuận cụ thể về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và lãi chậm trả; đồng thời thống nhất việc bên vay phải tiếp tục chịu lãi trên số dư nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ.

Thỏa thuận về lãi suất nêu trên phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, khoản 4 Điều 13 và khoản 5 Điều 14 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN. Do bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng, nên phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số dư nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, theo đúng thỏa thuận đã ký.

Yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi phát sinh sau thời điểm xét xử là có căn cứ pháp luật, nên được chấp nhận.

[4] Quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13;

Căn cứ Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 01/7/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Điều 3 Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

Áp dụng:

- Các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13;

- Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN của Ngân hàng N1;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T (Việt Nam).

2. Buộc bà Trần Thị Phương H phải thanh toán cho Công ty T (Việt Nam) số tiền vay nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 16/4/2026 là 77.934.615 đồng.

Trong đó:

- Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 38.390.222 đồng.

- Số tiền lãi trong hạn: 27.214.276 đồng.

- Số tiền lãi quá hạn: 10.062.386 đồng.

- Số tiền lãi chậm trả: 2.267.731 đồng.

3. Kể từ ngày 17/4/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, bà Trần Thị Phương H còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất và phương thức tính lãi đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 5408990 ngày 29/3/2024.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Bà Trần Thị Phương H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 3.896.730đ (Ba triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn bảy trăm ba mươi đồng). Nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4.2. Hoàn trả lại cho Công ty T (Việt Nam) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.520.145đ (Một triệu năm trăm hai mươi nghìn một trăm bốn mươi lăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0047155 ngày 08/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Lương Duy Minh Chính

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Phòng THADS KV10-TP.HCM
- THA DS TP.HCM;
- VKSND KV 10-TP. HCM;
- TAND TP.HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

2 000021 181205